

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa Hóa học năm học 2026-2027, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
- Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 28 tháng 07 năm 2026.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 28 tháng 07 năm 2026.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Glycerol	56-81-5	Xilong	2026	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99\%$. Clorua (Cl) $\leq 0.0001\%$. Ammoniac (NH ₄) $\leq 0.0005\%$. Hàm lượng Sắt (Fe) $\leq 0.0001\%$	500ml/chai	20
2	Ethanol	64-17-5	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.7\%$. Hàm lượng Cặn sau khi bay hơi $\leq 0.001\%$. Hàm lượng độ ẩm $\leq 0.3\%$. Hàm lượng Methanol $\leq 0.05\%$	500ml/chai	2
3	Nhiệt Kế Có Dây Checktemp® 1	HI98509	Hanna	2026	Ý	Hanna	Nhiệt kế dạng bỏ túi, nhỏ gọn, tiện lợi Thang đo (°C): -50.0 to 150.0°C Thang đo (°F): -58.0 to 302.0°F	Cái	1
4	Bút bi (Màu xanh)	TL027- X	Thiên Long	2026	Việt Nam	Thiên Long	Màu mực màu xanh . Ngòi bút: 0.5mm	Cây	10
5	Bút bi (Màu đỏ)	TL027- Đ	Thiên Long	2026	Việt Nam	Thiên Long	Màu mực màu đỏ . Ngòi bút: 0.5mm	Cây	30
6	Thước cặp điện tử dải đo 0-150mm	500-181-30	Mitutoyo	2026	Nhật Bản	Mitutoyo	Phạm vi đo 0-150mm . Độ chia 0,01mm	Cái	1
7	Găng tay cao su không bột size M	PA- M	Malaysia	2026	Malaysia	PA Gloves	găng tay Latex không bột , Không tiết trùng	Hộp/ 100 cái	1
8	Acetone CN	67-64-1 - CN	TQ	2025	TQ	TQ	Nồng độ 99.5% . Tỷ trọng 0.79-0.793	Can 30L	2
9	Dimethylsulfoxide (DMSO)	1.23041.010	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
10	H3PO4	7664-38-2	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 85\%$. Chloride (Cl) $\leq 0.0003\%$. Sulfate (SO4) $\leq 0.003\%$; Nitrate (NO3) $\leq 0.0005\%$	500ml/chai	5
11	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng $\leq 0.001\%$	500ml/chai	40
12	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % . Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO4 $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	5
13	Na acetate khan	127-09-3	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. pH 7.5 - 9. Hàm lượng nước không hoà tan $\leq 0.005\%$	500g/chai	10
14	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % . Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO4 $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	5
15	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng $\leq 0.001\%$	500ml/chai	5
16	H3PO4	7664-38-2	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 85\%$. Chloride (Cl) $\leq 0.0003\%$. Sulfate (SO4) $\leq 0.003\%$; Nitrate (NO3) $\leq 0.0005\%$	500ml/chai	5
17	Na acetate khan	127-09-3	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. pH 7.5 - 9. Hàm lượng nước không hoà tan $\leq 0.005\%$	500g/chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
18	NaOH	1.01394.058	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 96.0 % Hàm lượng $\text{SiO}_3 \leq 0.01\%$. Hàm lượng $\text{SO}_4 \leq 0.005$ %	500g/chai	6
19	$\text{FeSO}_4.7\text{H}_2\text{O}$	7782-63-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $99.0 \sim 101.0$ % .Hàm lượng Mn ≤ 0.05 % Hàm lượng As $\leq 0.0002\%$	500g/chai	1
20	$\text{CuSO}_4.5\text{H}_2\text{O}$	1.09025.016	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0 % . Hàm lượng Chất không tan trong nước ≤ 0.005 % . Hàm lượng N ≤ 0.001 % . Hàm lượng K $\leq 0.001\%$	500g/chai	1
21	$\text{Na}_2\text{B}_4\text{O}_7.10\text{H}_2\text{O}$	1.01396.030	GHTECH	2025	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Hàm lượng Chất không tan trong HCl ≤ 0.005 %	500g/chai	1
22	Ethanol absolute	1.17113.023	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.7\%$. Tỷ trọng (20°C),g/mL $0.789 \sim 0.791$	500ml/chai	5
23	1,10-Phenanthroline	5144-89-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99 % . Hàm lượng cặn $\text{SO}_4 \leq 0.1\%$	5g/chai	5
24	Hydroxylammonium chloride	5470-11-01	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: 99.8% . pH (50g/L;25°C) $2.5 \sim 3.5$; Hàm lượng Fe ≤ 0.0003 %	100g/chai	5
25	Giấy lọc định tính 110mm, chảy trung bình	102-110	Newstar	2026	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Giấy lọc Đường kính: 110 mm Loại: định tính chảy trung bình	Hộp/ 100 tờ	4

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
26	Phễu lọc xốp 80ml-G4	BLS.1905.9	Biohall	2025	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: ASTM E-438, TYPE-1, Thủy tinh boro 3.3 Lỗ lọc: 5 - 15 μ m Đường kính: 40 mm	Cái	2
27	Cốc thủy tinh 100 ml	1101-100	ONELAB	2026	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Chiều cao: 70 mm Đường kính thân: 50 mm	Cái	20
28	Cốc thủy tinh 250 ml	1101-250	ONELAB	2026	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Chiều cao: 95 mm Đường kính thân: 70 mm	Cái	20
29	Acetophenone	GRM3107	Himedia	2025	Ấn Độ	Himedia	Phần trăm độ tinh khiết: 99.0% . Dạng vật lý : Dung dịch không màu đến vàng .Tỷ trọng (ở 25°C): 0.980 - 1.080 g/ml	500ml/chai	1
30	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	2025	Mỹ	Fisher	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 98\%$. Hàm lượng Ca ≤ 0.5 ppm . Hàm lượng Cr $\leq 0,02$ ppm	c/2.5 L	2
31	Acid benzoic	65-85-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Nhiệt độ nóng chảy 121- 123 Độ C . Hàm lượng cặn $\leq 0.01\%$	250g/chai	2
32	Dụng cụ khuấy từ EcoStir (bề mặt vuông)	8030197000	Dlab	2025	Trung Quốc	Dlab	Kích thước bề mặt 120 x 115 mm; Tốc độ 300 – 2000 vòng/phút	cái	1
33	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng $\leq 0.001\%$	500ml/chai	4

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
34	H2O2	7722-84-1	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 30 %. Hàm lượng cặn $\leq$ 0.005%. Tính chất vật lý : Dạng lỏng	500ml/chai	3
35	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe $\leq$ 0.00005 % . Hàm lượng SO4 $\leq$ 0.0002 %	500ml/chai	3
36	Acid acetic glacial	1000631000	Merck	2026	Đức	Merck	Nồng độ 99.8%. Hàm lượng Cl $\leq$ 0,4 ppm	1000ml/chai	3
37	Silica gel 60 F254 25 TLC aluminium sheets (Bảng mỏng nhôm)	1055540001	Merck	2025	Đức	Merck	Tấm nhôm được phủ lớp silicagel . Kích thước 20x20 cm	25 tờ/hộp	7
38	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng $\leq$ 0.001 %	500ml/chai	10
39	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe $\leq$ 0.00005 % . Hàm lượng SO4 $\leq$ 0.0002 %	500ml/chai	10
40	Acetonitrile	A998-4	Fisher	2025	Mỹ	Fisher	Nồng độ 99.95% . Tỷ trọng 0.775-0.780	Chai 4L	1
41	Chloroform	2548-4404	DaeJung	2025	Hàn Quốc	DaeJung	Nồng độ 99,5% . Hàm lượng Cl 5 ppm	4 Lít / Chai	15
42	Glycerol	56-81-5	Xilong	2026	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq$ 99 % . Clorua (Cl) $\leq$ 0.0001 % . Ammoniac (NH4) $\leq$ 0.0005 % . Hàm lượng Sắt (Fe) $\leq$ 0.0001 %	500ml/chai	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
43	Acid ascorbic	50-81-7	Xilong	2026	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.7\%$. Hàm lượng cặn $\leq 0.05\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0002\%$. Hàm lượng Cl $\leq 0.005\%$	100g/chai	1
44	Bút bi (Màu đỏ)	TL027- Đ	Thiên Long	2026	Việt Nam	Thiên Long	Màu mực màu đỏ . Ngòi bút: 0.5mm	Cây	5
45	Găng tay nitrile size L không bột	GTX-L	Mã Lai	2026	Mã Lai	Top Glove	Găng tay màu xanh , không bột , size L	Hộp/ 100 cái	1
46	Acetone CN	67-64-1 - CN	TQ	2025	TQ	TQ	Nồng độ 99.5% . Tỷ trọng 0.79-0.793	Can 30L	2
47	Chloroform	2548-4404	DaeJung	2025	Hàn Quốc	DaeJung	Nồng độ 99,5% . Hàm lượng Cl 5 ppm	4 Lít / Chai	2
48	K2CO3	584-08-7	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Nồng độ 99%	c/500 g	1
49	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO4 $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	20
50	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO4 $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	10
51	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO4 $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	10
52	Cồn 96 độ	64-17-5- CAN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 96.0% . Hàm lượng methanol ≤ 300 mg/ l. hàm lượng rượu bậc cao ≤ 5 mg/ l. Hàm lượng Acetaldehyde ≤ 5 mg/ l	30 lít/can	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
53	Na acetate khan	127-09-3	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. pH 7.5 - 9. Hàm lượng nước không hoà tan $\leq 0.005\%$	500g/chai	5
54	ZnSO ₄ .7H ₂ O	7446-20-0	Xilong	2.025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Thang đo pH 4,4 - 6,0. Hàm lượng chất không tan trong nước $\leq 0.01\%$	500g/chai	5
55	EDTA 2Na	6381-92-6	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99\%$. Thang đo pH 4 - 5 . Hàm lượng Cl $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Pb $\leq 0.001\%$	250g/chai	5
56	Acid acetic	64-19-7	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$ Điểm kết tinh $\geq 15.1\text{ }^{\circ}\text{C}$. Cận sau khi bay hơi $\leq 0.002\%$	500ml/chai	5
57	(NH ₄) ₂ C ₂ O ₄	1.06043.010	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99.5%. pH 6-7	Chai 500g	2
58	NH ₄ Cl	12125-02-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Thang đo pH 4.5 - 5.5 . Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Na $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0005\%$	500g/chai	5
59	BaCl ₂ .2H ₂ O	10326-27-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Thang đo pH 5-7 . Tổng hàm lượng nitrogen $\leq 0.002\%$	500g/chai	1
60	NaCl	1.01307.040	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: 99.5%. Điểm nóng chảy 801 oC . Điểm Sôi 1461 oC	500g/chai	40

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
61	Na ₂ HPO ₄ 12H ₂ O	10039-32-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Nồng độ 99 %	Chai 500g	1
62	NaHCO ₃	144-55-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.5%. Thang đo pH ≤ 8.6 . Hàm lượng Mg ≤ 0.003% . Hàm lượng Ca ≤ 0.007% . Hàm lượng Fe ≤ 0.001%	500g/chai	20
63	NaOH	1.01394.058	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 96.0 % Hàm lượng SiO ₃ ≤ 0.01% . Hàm lượng SO ₄ ≤ 0.005 %	500g/chai	20
64	MgSO ₄ .7H ₂ O	10034-99-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99% . Thang đo pH 5 - 8. Hàm lượng chất không tan trong nước ≤ 0.005 %	500g/chai	2
65	CuSO ₄ .5H ₂ O	1.09025.016	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0 % . Hàm lượng Chất không tan trong nước ≤ 0.005 % . Hàm lượng N ≤ 0.001 % . Hàm lượng K ≤ 0.001%	500g/chai	20
66	AlCl ₃ .6H ₂ O	7784-13-6	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 98-100.5 % . Thang đo pH ≥ 2.5 . Chất không hoà tan trong nước ≤ 0.025% . Hàm lượng Nh ₄ ≤ 0.002%	500g/chai	2
67	KI	1.01708.020	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99% ; pH 6-8	Chai/ 500g	2
68	Na ₂ S ₂ O ₃ .5H ₂ O	10102-17-7	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99 % . Thang đo pH 6-7,5. Hàm lượng chất không tan trong nước ≤ 0.005%	500g/chai	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
69	Na ₂ CO ₃	497-19-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$. Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.01\%$. Hàm lượng Cl $\leq 0.002\%$. Hàm lượng Mg $\leq 0.002\%$	500g/chai	15
70	KIO ₃	7758-05-6	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Nồng độ 99.8%	Chai/ 500g	1
71	Na ₂ SO ₃	7757-83-7	Xilong	2026	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 97\%$. Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.005\%$. Hàm lượng S ₂ O ₃ $\leq 0.01\%$	500g/chai	1
72	H ₂ O ₂	7722-84-1	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 30 %. Hàm lượng cặn $\leq 0.005\%$. Tính chất vật lý : Dạng lỏng	500ml/chai	1
73	Bình cầu đáy tròn 250ml	217213604	Duran	2.026	Đức	Duran	Đường kính miệng 34 mm ; chiều cao 144mm Dung tích:250 ml.	Cái	20
74	Bình tam giác 250 ml	212163605	Duran	2.026	Đức	Duran	Dung tích:250 ml. Đường kính miệng 34 mm. Đường kính đáy 85 mm . Chiều cao 145 mm	Cái	20
75	NH ₄ Cl	12125-02-9	Xi Long		Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	4
76	Acetone	67-64-1	Chemsol		Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/500ml	20
77	NaOH	101394058	GHTECH		Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết:96 %	Chai 500g	6
78	chloroform	67-66-3	Chemsol		Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99%	Chai/500ml	10

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
79	Ethanol absolute (chai 1L)		Chemsol		Việt Nam			Chai/ 1L	30
80	KI	1.01708.020	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99% ; pH 6-8	Chai/ 500g	3
81	Muối Mohr Fe (II)	1.06129.010	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 95,5%	chai 500g	2
82	Acetophenone	GRM3107	Himedia	2025	Ấn Độ	Himedia	Phần trăm độ tinh khiết: 99.0% . Dạng vật lý : Dung dịch không màu đến vàng .Tỷ trọng (ở 25°C): 0.980 - 1.080 g/ml	c/500 mL	4
83	Bình tam giác 250 ml nút nhám 29/32	033647-250	ONELAB	2025	Trung Quốc	ONELAB	Thủy tinh Borosilicate 3.3 . Đường kính miệng: 85mm ; Chiều cao: 110mm	Cái	10
84	Bình cầu đáy tròn 100 ml nhám 14/23	BLS.1209.09	Biohall	2026	Ấn Độ	Biohall	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, 1 cổ đáy tròn - nhám 14/23 Dung tích: 100 ml	Cái	20
85	Acetone	1000142500	Merck	2024	Đức	Merck	Nồng Độ ≥99.8%	Chai/2.5L	1
86	HCl	7647-01-0	Xi Long		Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 36-37%	Chai/500mL	5
87	H2SO4	7664-93-9	Xi Long		Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 98%	Chai/500 ml	6
88	Hexane	110-54-3- VN	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Phần trăm độ tinh khiết ≥ : 44 % . Nhiệt độ sôi 64 -70 Độ C. Hợp Chất lưu huỳnh ≤ 1 mg/ kg	500ml/chai	2
89	Chloroform	67-66-3	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0% Nhiệt độ sôi 61 độ C. Hàm lượng nước ≤ 0.1% . Hàm lượng cặn không bay hơi ≤ 0.004%	500ml/chai	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
90	Acetone	1.17801.403	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ $\geq 99.5\%$. Tỷ trọng 0.789-0.791 g/ml	Chai 500mL	2
91	Pipette pasteur 150 mm	9250101	Hirschmann	2026	Đức	Hirschmann	Kích thước 150 mm	250cái / hộp	1
92	Na ₂ HPO ₄ 12H ₂ O	10039-32-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Nồng độ 99 %	Chai 500g	5
93	Silica gel 60 F254 25 TLC aluminium sheets (Bảng mỏng nhôm)	1055540001	Merck	2025	Đức	Merck	Tấm nhôm được phủ lớp silicagel . Kích thước 20x20 cm	25 tờ/hộp	3
94	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % . Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO ₄ $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	5
95	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % . Hàm lượng Fe $\leq 0.00005\%$. Hàm lượng SO ₄ $\leq 0.0002\%$	500ml/chai	10
96	NH ₄ Cl (PA)	12125-02-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Thang đo pH 4.5 - 5.5 . Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Na $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0005\%$	500g/chai	10
97	H ₂ O ₂	7722-84-1	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 30 % . Hàm lượng cặn $\leq 0.005\%$. Tính chất vật lý : Dạng lỏng	500ml/chai	3
98	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	2025	Mỹ	Fisher	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 98\%$. Hàm lượng Ca $\leq 0.5\text{ ppm}$. Hàm lượng Cr $\leq 0,02\text{ ppm}$	c/2.5 L	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
99	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng ≤ 0.001 %	500ml/chai	32
100	CH3COOH	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	10
101	Cồn 96o (can 30L)				Việt Nam		Nồng độ 96%	Can 30L	3
102	Ethanol 99, C2H5OH	64-17-5-99-500	Chemsol	2024	Việt Nam	VINA CHEM	Phần trăm độ tinh khiết: 99% Dạng vật chất: Chất lỏng	Chai/ 500 ml	20
103	Bình định mức 25 mL	013.01.101	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 100 ml Class A . Dung Sai + - 0,1 ml	Cái	10
104	Hexane	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	30
105	Dimethylsulfoxide (DMSO)	1.23041.010	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	3
106	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng ≤ 0.001 %	500ml/chai	3
107	Ethyl acetate	141-78-6- VN	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.5 % . Tỷ trọng 0.901-0.904 g/ml . Hàm lượng methanol $\leq 0.1\%$. Hàm lượng ethanol ≤ 0.1 %	500ml/chai	20
108	Na2HPO4 12H2O	10039-32-4	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Nồng độ 99 %	Chai 500g	2

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
109	Cồn 96 độ	64-17-5 - F	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 96.0% . Hàm lượng methanol ≤ 300 mg/ l. hàm lượng rượu bậc cao ≤ 5 mg/ l. Hàm lượng Acetaldehyde ≤ 5 mg/ l	Phuy/200 L	1
110	Ethyl acetate CN (phuy)	141-78-6	Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99.95%	180 kg/phuy	1
111	Cloroform	2548-4404	Daejung	2023	Hàn Quốc	Daejung	Nồng độ 99.5%	4 lít/chai	7
112	BaCl ₂ .2H ₂ O	10326-27-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. . Thang đo pH 5-7 . Tổng hàm lượng nitrogen $\leq 0.002\%$	500g/chai	1
113	Na ₂ SO ₃	7757-83-7	Xilong	2026	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 97\%$. Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.005\%$. Hàm lượng S ₂ O ₃ $\leq 0.01\%$	500g/chai	1
114	Eriochrome Black	1787-61-7	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Là chất chỉ thị phức tạp được sử dụng trong phép chuẩn độ phức tạp	Chai/ 25g	1
115	NH ₄ Cl (PA)	12125-02-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Thang đo pH 4.5 - 5.5 . Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Na $\leq 0.005\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0005\%$	500g/chai	2
116	Cốc thuỷ tinh 100 ml	1101-100	ONELAB	2026	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Chiều cao: 70 mm Đường kính thân: 50 mm	Cái	10
117	1,10-Phenanthroline	5144-89-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99\%$. Hàm lượng cặn SO ₄ $\leq 0.1\%$	5g/chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
118	(NH ₄) ₂ Fe(SO ₄) ₂ .6H ₂ O	1.06129.010	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 95,5% . pH 3-5. % Cl ≤0.001; Fe ≤0.01% . Cu ≤0.002 %	500g/chai	4
119	H ₂ O ₂ 30% PA	7722-84-1	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 30 %. Hàm lượng cặn ≤0.005%. Tính chất vật lý : Dạng lỏng	500ml/chai	10
120	NaCl	1.01307.040	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: 99.5%. Điểm nóng chảy 801 oC . Điểm Sôi 1461 oC	500g/chai	10
121	NaOH	1.01394.058	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: ≥96.0 % Hàm lượng SiO ₃ ≤0.01% . Hàm lượng SO ₄ ≤0.005 %	500g/chai	15
122	Na ₂ S ₂ O ₃ .5H ₂ O	10102-17-7	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99 % . Thang đo pH 6-7,5. Hàm lượng chất không tan trong nước ≤ 0.005%	500g/chai	10
123	EDTA (PA)	6381-92-6	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99 % . Thang đo pH 4 - 5 . Hàm lượng Cl ≤ 0.005 % . Hàm lượng Pb ≤ 0.001%	250g/chai	10
124	Bình tam giác 250 ml	212163605	Duran	2026	Đức	Duran	Dung tích: 250 ml. Đường kính miệng 34 mm. Đường kính đáy 85 mm . Chiều cao 145 mm	Cái	10
125	Bình cầu đáy tròn 250ml	217213604	Duran	2026	Đức	Duran	Đường kính miệng 34 mm ; chiều cao 144mm Dung tích: 250 ml.	Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
126	CuSO ₄ .5H ₂ O	1.09025.016	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Hàm lượng Chất không tan trong nước $\leq 0.005\%$. Hàm lượng N $\leq 0.001\%$. Hàm lượng K $\leq 0.001\%$	500g/chai	10
127	Na ₂ CO ₃ (PA)	497-19-8	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$. Chất không hoà tan trong nước $\leq 0.01\%$. Hàm lượng Cl $\leq 0.002\%$. Hàm lượng Mg $\leq 0.002\%$	500g/chai	20
128	KOH	1310-58-3	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 85\%$. Hàm lượng K ₂ CO ₃ $\leq 1.5\%$. Hàm lượng N $\leq 0.001\%$. Hàm lượng Ni $\leq 0.0005\%$	500g/chai	20
129	Acid oxalic	6153-56-6	Xilong	2025	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Chất không hoà tan $\leq 0.005\%$ Hàm lượng Ca $\leq 0.003\%$	500g/chai	20
130	KI	1.01708.020	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99% ; pH 6-8	Chai/ 500g	4
131	MnO ₂ phân tích	1313-13-9	Xilong	2026	Trung Quốc	Xi Long	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 85\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.02\%$. Hàm lượng Cl $\leq 0.002\%$	250g/chai	50
132	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	2025	Mỹ	Fisher	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 98\%$. Hàm lượng Ca ≤ 0.5 ppm . Hàm lượng Cr $\leq 0,02$ ppm	c/2.5 L	1
133	Acetone CN	67-64-1 - CN	TQ	2025	TQ	TQ	Nồng độ 99.5% . Tỷ trọng 0.79-0.793	Can 30L	4
134	Glycerin (Chai thủy tinh 0.5 lit)	56-81-5	Xi Long	2026	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	20

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
135	Silica gel 230 - 400 mesh	GRM7484	Himedia	2025	Ấn Độ	Himedia	Dạng vật lý: Bột màu trắng Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước Kích thước hạt 1: tối thiểu. 80.0% đi qua 230 mesh (63 µm) Kích thước hạt 2: tối đa. 20.0% đi qua 400 mesh (37 µm)	c/500 g	7
136	Eppendorf 2.0 ml	80-0020	Biologix	2022	Mỹ	Biologix	Quy cách 500 cái / gói .Tuýp ly tâm 2 ml, dạng eppendorf, không có RNase & DNase, pyrogenic	Túi/500c	2
137	Silica gel 60 F254 25 TLC aluminium sheets (Bảng mỏng nhôm)	1055540001	Merck	2025	Đức	Merck	Tấm nhôm được phủ lớp silicagel . Kích thước 20x20 cm	25 tờ/hộp	3
138	Ethanol	1009832511	Merck	2025	Đức	Merck	Nồng độ 99.9% .Tỷ trọng 0.790-0.793	2,5 lít / Chai	4
139	Hexane	141-1624	VWR	2026	Pháp	VWR	Nồng Độ 98.5%	4 Lít / Chai	2
140	Acetone	A/0600/PC17	Fisher	2026	Mỹ	Fisher	Nồng độ 99.8%. Hàm lượng Ca ≤ 0,1 ppm	Chai/2.5L	2
141	Cồn 96 độ	64-17-5 - F	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 96.0% . Hàm lượng methanol ≤ 300 mg/ l. hàm lượng rượu bậc cao ≤ 5 mg/ l. Hàm lượng Acetaldehyde ≤ 5 mg/ l	Phuy/200 L	1
142	Cốc thủy tinh 100 ml	1101-100	ONELAB	2026	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Chiều cao: 70 mm Đường kính thân: 50 mm	cái	40
143	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng ≤0.001 %	500ml/chai	30

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
144	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe ≤ 0.00005 % . Hàm lượng SO ₄ ≤ 0.0002 %	500ml/chai	25
145	CH ₃ COOH (Acid AcetiC)	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	10
146	H ₂ SO ₄	7664-93-9	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng ≤ 0.001 %	500ml/chai	30
147	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe ≤ 0.00005 % . Hàm lượng SO ₄ ≤ 0.0002 %	500ml/chai	25
148	Bình tam giác 250 ml	212163605	Duran	2026	Đức	Duran	Dung tích: 250 ml. Đường kính miệng 34 mm. Đường kính đáy 85 mm . Chiều cao 145 mm	Cái	50
149	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	2025	Mỹ	Fisher	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 98 % . Hàm lượng Ca ≤ 0.5 ppm . Hàm lượng Cr $\leq 0,02$ ppm	c/2.5 L	1
150	Hexane	141-1624	VWR	2026	Pháp	VWR	Nồng Độ 98.5%	4 Lít / Chai	8
151	Acetone	A/0600/PC17	Fisher	2026	Mỹ	Fisher	Nồng độ 99.8%. Hàm lượng Ca $\leq 0,1$ ppm	Chai/2.5L	6
152	NaOH	1.01394.058	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 96.0 % Hàm lượng SiO ₃ $\leq 0.01\%$. Hàm lượng SO ₄ ≤ 0.005 %	500g/chai	2
153	Cồn 96 độ	64-17-5- CAN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 96.0% . Hàm lượng methanol ≤ 300 mg/ l. hàm lượng rượu bậc cao ≤ 5 mg/ l. Hàm lượng Acetaldehyde ≤ 5 mg/ l	30 lít/can	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
154	Acid acetic	64-19-7	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$ Điểm kết tinh $\geq 15.1\text{ }^{\circ}\text{C}$. Cận sau khi bay hơi $\leq 0.002\%$	500ml/chai	5
155	Na ₂ SO ₄	1.01509.010	GHTECH	2025	Trung Quốc	GHTECH	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99\%$. Thang đo pH 5-8. Hàm lượng PO ₄ $\leq 0.001\%$. Hàm lượng K $\leq 0.01\%$ Hàm lượng Fe $\leq 0.0005\%$	500g/chai	2
156	Acetone CN	67-64-1 - CN	TQ	2025	TQ	TQ	Nồng độ 99.5% . Tỷ trọng 0.79-0.793	Can 30L	2
157	Acid oxalic	6153-56-6	Xilong	2025	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Chất không hoà tan $\leq 0.005\%$ Hàm lượng Ca $\leq 0.003\%$	500g/chai	1
158	Acid benzoic	65-85-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$. Nhiệt độ nóng chảy 121- 123 Độ C . Hàm lượng cặn $\leq 0.01\%$	250g/chai	3
159	Silica gel 60 - 200 mesh	GRM7478	Himedia	2026	Ấn độ	Himedia	- Dạng bột hoặc hạt tròn, màu trắng - Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước - pH (huyền phù nước 10% ở 25 °C): 6,50 - 7,50 - Kích thước hạt 1: $\leq 80,00\%$ đi qua 60 lưới (250 μm) - Kích thước hạt 2: $\geq 20,00\%$ đi qua 200 lưới (74 μm)	500g/chai	5
160	1-Naphthol	GRM1392	Himedia	2026	Ấn Độ	Himedia	Phần trăm độ tinh khiết: 99.0% Nhiệt độ nóng chảy 94 - 97°C	Chai/ 100g	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
161	Acetanilide	GRM1865	Himedia	2026	Ấn Độ	Himedia	Nồng độ 99.5% . Nhiệt độ nóng chảy 111-115°C	Chai/ 500g	1
162	HCl	7647-01-0	Xilong	2025	Trung Quốc	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết:36.0~38.0 % .Hàm lượng Fe ≤0.00005 % . Hàm lượng SO4 ≤0.0002 %	500ml/chai	4
163	Cồn 96o (can 30L)				Việt Nam		Nồng độ 96%	Can 30L	1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành